

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS-ST

Ngày: 10 - 7 - 2019

V/v tranh chấp “Chia di sản thừa kế
Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2016 về việc tranh chấp “Chia di sản thừa kế Quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 06 năm 2019 và thông báo thay đổi thời gian xét xử giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim T1, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tổ 12 khóm Long Quới A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Kim T2, sinh năm 1972. Nơi cư trú: khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1964;
- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1964;
- Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1984;
- Bà Trần Thị Y, sinh năm 1984;
- Bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1986;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T, anh Trần Ngọc C, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị Kim Q: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1964 (theo tờ ủy quyền ngày 20/9/2017). (có mặt)

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 12, khóm Long Quới A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2016 và bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Kim T1 trình bày: Về nguồn gốc đất là của cha cụ Trần Văn Ty (1930 - 2015) mẹ cụ Trần Thị Bân (1937 - 2012). Cha mẹ có 02 người con ruột gồm: Bà Trần Kim T2, bà Trần Kim T1, khi chết cha mẹ không để lại di chúc, di sản để lại gồm:

- 01 căn nhà ở (phủ thờ) có diện tích ngang 7m dài 10m, cấu trúc căn nhà bằng gỗ gắn liền với đất, có tổng diện tích là 695,40m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02797QSDĐ/cĐ cấp ngày 03/6/2003 do ông Trần Văn Ty đứng tên.

- Diện tích 1.470m² đất nông nghiệp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19406264 do UBND thị xã Tân Châu cấp ngày 22/12/2011 cho ông Trần Văn Ty đứng tên, nhà và đất tọa lạc tại tổ 12, khóm Long Quới A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hiện nay ông Trần Ngọc T đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, trên đất tranh chấp có căn nhà của anh Trần Ngọc C là con ruột của ông T đã cất nhà ở và vật kiến trúc trên đất gồm có chuồng bò của bà T1 xây dựng để nuôi bò và hiện nay không nuôi, bỏ trống, và mồ mã cha mẹ, ông bà, cây trồng trên đất. Trong quá trình giải quyết bà T1 yêu cầu chia tiền cho thuê đất 01 năm là 12.000.000 đồng, nhưng sau đó bà T1 rút lại yêu cầu chia tiền cho thuê đất.

Bà Trần Kim T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia bằng hiện vật đối với di sản của cụ Bân và cụ Ty để lại làm 02 kỹ phần cho Trần Kim T1 và Trần Kim T2. Bà T1 không đồng ý chia cho ông Trần Ngọc T, vì ông T là cháu không phải con nuôi hợp pháp, và yêu cầu ông T và anh C có trách nhiệm di dời nhà để trả lại đất được chia thừa kế cho bà T1 và bà T2. Các cây lâu năm có trên đất ở khi chia đất nằm trên phần của ai thì người đó được hưởng, không tranh chấp. Trong trường hợp không chia bằng hiện vật thì yêu cầu chia bằng giá trị.

Bị đơn bà Trần Kim T2 trình bày: Xác nhận hàng thừa kế của cụ ông Trần Văn Ty, cụ Trần Thị Bân gồm có 03 người cụ thể: 02 người con ruột là Trần Kim T2 và Trần Kim T1, và 01 người con nuôi Trần Ngọc T (cụ Ty và cụ Bân đã nuôi ông T từ năm 1970 cho đến nay).

Về di sản thừa kế là của cụ Ty và cụ Bân để lại gồm:

- Diện tích đất thổ, cư vườn tạp là 695,40m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02797QSDĐ/cĐ cấp ngày 03/6/2003 do ông Trần Văn Ty

đứng tên, trên đất có căn nhà của ông Trần Ngọc T, còn căn phủ thờ của cha mẹ nằm tầng trên của căn nhà ông T, phía sau hậu nhà ông T có căn nhà của Trần Ngọc C cất ở từ năm 2012, khi cất đã được cha cụ Ty cho phép con cháu C cất ở, phần này bà T2 không tranh chấp vẫn đồng ý giữ y hiện trạng.

- Diện tích 1.470m² đất nông nghiệp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19406264 do UBND thị xã Tân Châu cấp ngày 22/12/2011 cho ông Trần Văn Ty đứng tên. Căn nhà và đất hiện nay ông Trần Ngọc T đang quản lý, sử dụng. Nhà và đất tọa lạc tại tổ 12, khóm Long Quới A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Vào năm 1970 do cụ Bân và cụ Ty không có con nên xin con nuôi là ông Trần Ngọc T (ông T con ruột của ông Nguyễn Văn Niệm và Trần Thị Luy) là cháu ruột về nuôi từ khi ông T 5 tuổi và cha mẹ bà T2 cưới vợ cho ông T và gia đình ông T đã chăm sóc cụ Ty, cụ Bân như cha mẹ ruột từ khi còn sống đến khi qua đời. Vào năm 2006, do căn nhà phủ thờ xuống cấp nên ông T đã cất lại toàn bộ căn nhà, đối với phủ thờ thì cất nằm phía trên nhà của nhà ông T.

Vào năm 2014, cụ Ty đã phân chia phần đất nông nghiệp gồm 6.800m² như sau: Phần ông T là 1.800m², phần của T2 là 2.000m², phần của T1 là 2.000m²; phần còn lại 1.000m² là của cụ Ty. Sau đó, bà Trần Kim T1 đã sang nhượng cho người khác, do bà T1 làm ăn thất bại nên cụ Ty cũng đã sang nhượng đất 1.000m² cho người khác để cho bà T1 trả nợ. Riêng phần đất còn lại là 695,4m² là đất thổ cư, vườn tạp và diện tích 1.470m² đất nông nghiệp nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH19406264 do UBND thị xã Tân Châu cấp ngày 22/12/2011 cho cụ Ty đứng tên, di sản trên chưa chia là để làm đất hương quả thờ cúng ông bà. Tất cả di sản trên do ông T quản lý, sử dụng. Bà T2 không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà Trần Kim T1. Riêng cháu Trần Ngọc C cất nhà ở trên phần đất thổ cư 695,40m² khi đó có sự đồng ý của cụ Ty, nay bà T2 yêu cầu được giữ y hiện trạng không chia. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì bà T2 có ý kiến như sau: Đối với di sản do cụ Bân và cụ Ty để lại thì yêu cầu chia 03 kỷ phần bằng nhau gồm: T2, bà T1 và ông T. Trong đó, khấu trừ căn nhà của ông T xây dựng mới, phần tầng trên căn nhà là di sản của cụ Bân và cụ Ty; kỷ phần của bà T2 đồng ý giao toàn bộ cho ông T quản lý, sử dụng và bà T2 không tranh chấp với ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thanh T có yêu cầu độc lập trình bày: Ông T xác định ông là con nuôi của cụ Ty và cụ Bân, ông T đã sống chung với cụ Ty, cụ Bân từ khi ông 05 tuổi cho đến nay, và kêu ông Ty là cha, bà Bân là mẹ, còn về thủ tục xin con nuôi do không hiểu biết về thủ tục như thế nào nên ông T không làm thủ tục nhận con nuôi, nhưng trên thực tế ông đã chăm sóc, phụng dưỡng cụ Ty và cụ Bân như cha mẹ ruột và cụ Ty, cụ Bân cũng xem ông như con ruột không phân biệt đối xử, cụ thể như 02 cụ đã cưới vợ cho ông T và cùng chung sống với vợ chồng ông T. Ngoài ra, vào năm 2014 cụ Ty cũng đã chia đất nông nghiệp cho ông T, và ông T cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích được chia là 1.800m². Di sản của cụ Bân và cụ Ty còn lại chưa chia là để cho con cháu cất nhà ở và làm khu mồ mã, còn đất nông nghiệp cho thuê để lấy tiền làm chi phí đám giỗ ông bà cha mẹ. Nay theo yêu cầu của bà Trần Kim T1 thì ông T đồng ý chia đất nông nghiệp 1.470m²

làm 03 kỷ phần cho T, T1, T2, còn diện tích đất thổ cư trên đất có căn nhà của ông T, anh C và khu mồ mã thì ông T không đồng ý chia. Đối với căn nhà phủ thờ thì nằm tầng trên của căn nhà ông đang ở, ông T đồng ý chia căn phủ thờ của cha mẹ trị giá theo hội đồng đã định giá ra làm 03 kỷ phần bằng nhau, ông đồng ý hoàn giá trị cho bà T1. Còn đối với căn nhà phía dưới là của vợ chồng ông xây cất, do đó ông T không đồng ý chia căn nhà phía dưới.

Ông Trần Văn H trình bày: Vào năm 2012, thì ông H có thuê diện tích đất 1.470m² của cụ Ty để trồng cỏ nuôi bò, hai bên thuê đất không làm giấy tờ gì cả, cụ Ty là chú ruột của ông H, nên hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, thuê đất hàng năm, tiền thuê trả hàng năm, mỗi năm là 4.000.000 đồng, mục đích cho thuê để lấy tiền làm chi phí cho lễ giỗ ông bà, cha mẹ. Trong trường hợp các bên không cho thuê thì tôi trả đất. Nay các bên tranh chấp chia di sản thừa kế ông H không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu có ý kiến với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo đúng qui định pháp luật. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa như đã quy định.

Về nội dung vụ án:

- Về hàng thừa kế các bên đương sự chưa thống nhất, về nguồn gốc đất tranh chấp chia thừa kế các bên đương sự đều xác định là của cụ Ty và cụ Bân để lại, diện tích đất thổ cư, vườn tạp 695,4m² và diện tích đất nông nghiệp 1.470m² và cây trồng, vật kiến trúc trên đất, tọa lạc khóm Long Quới A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, chia bằng hiện vật làm 02 kỷ phần cho T1, T2 là không có căn cứ vì ông T là con nuôi thực tế nên được chia thừa kế theo quy định pháp luật tại các điều 612, 613, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị, HĐXX chia thừa kế theo pháp luật làm 03 kỷ phần cho T, T2, T1; nhưng do diện tích đất được chia không đủ để tách thửa, không đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do đó, giao đất này cho ông T quản lý sử dụng, ông T có trách nhiệm hoàn lại giá trị cho các thừa kế theo giá mà hội đồng đã định giá.

- Đối với căn phủ thờ đã cất chồng lên tầng trên của nhà ông T nên giao cho ông T có trách nhiệm hoàn lại giá trị chênh lệch của căn phủ thờ, còn căn nhà phía dưới là của vợ chồng ông T xây dựng nên không chia thừa kế phần nhà ông T xây dựng.

- Đối với căn nhà của anh Trần Ngọc C cất trên đất chia thừa kế, thì giữ y hiện trạng.

- Đối với chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà bà T1 đã tạm ứng, thì các thừa kế được hưởng có nghĩa vụ cùng phải chịu trách nhiệm là chia đều làm 03 phần. Nhưng do bà T2 không nhận kỷ phần hưởng thừa kế mà giao lại cho ông T, nên ông T phải chịu 02 phần của số tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

- Về án phí đề nghị HĐXX áp dụng pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của kỷ phần các ông bà được hưởng theo quy định pháp luật. Nhưng do bà T2 không nhận kỷ phần hưởng thừa kế mà giao lại cho ông T, nên ông T phải chịu án phí của phần hưởng bà T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Kim T1, bà Trần Kim T2 và ông Trần Ngọc T tranh chấp chia di sản thừa kế Quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2015 và tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Bà Trần Kim T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Trần Thị Bân mất năm 2012 và cụ Trần Văn Ty mất vào năm 2015, căn cứ Điều 623 thì thời hiệu chia thừa kế là 30 năm đối với bất động sản. Do đó, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Kim T1 là còn thời hiệu khởi kiện.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn H.

Về nội dung:

[1] Căn cứ vào lời trình bày và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Trần Kim T1 cung cấp: Về nguồn gốc đất là của cụ Trần Văn Ty (1930 - 2015) cụ Trần Thị Bân (1937 - 2012). Hai cụ có 02 người con ruột gồm: Bà Trần Kim T2, bà Trần Kim T1, khi chết cha mẹ không để lại di chúc, di sản để lại gồm:

- 01 căn nhà ở (phủ thờ) có diện tích ngang 7m dài 10m, cấu trúc căn nhà bằng gỗ gắn liền với đất, toàn bộ căn nhà là căn phủ thờ, không phải nhà ông T tự xây dựng, có tổng diện tích là 695,40m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02797QSDĐ/cD cấp ngày 03/6/2003 do cụ Trần Văn Ty đứng tên. Ngoài ra, trên đất tranh chấp có căn nhà của anh Trần Ngọc C là con ruột của ông T đã cất nhà ở từ khi cụ Ty còn sống và vật kiến trúc trên đất gồm có chuồng bò của bà T1 xây dựng để nuôi bò và hiện nay không nuôi, chuồng bò bỏ trống và mô mã cha mẹ, ông bà, cây trồng trên đất.

- Diện tích 1.470m² đất nông nghiệp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19406264 do UBND thị xã Tân Châu cấp ngày 22/12/2011 do cụ Trần Văn Ty đứng tên. Di sản trên ông Trần Ngọc T đang quản lý, sử dụng.

Bà Trần Kim T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia bằng hiện vật đối với di sản của cụ Bân và cụ Ty để lại làm 02 kỷ phần cho Trần Kim T1 và Trần Kim T2. Bà T1 không đồng ý chia cho ông Trần Ngọc T, vì ông T là cháu không phải con nuôi hợp pháp, và yêu cầu anh C có trách nhiệm di dời nhà để trả lại đất.

Các cây lâu năm có trên đất thổ cư khi chia đất nằm trên phần của ai thì người đó được hưởng, không tranh chấp. Trong quá trình giải quyết bà T1 yêu cầu chia tiền cho thuê đất 01 năm là 12.000.000 đồng, nhưng sau đó bà T1 rút lại yêu cầu chia tiền cho thuê đất. Trong trường hợp không chia bằng hiện vật thì yêu cầu chia bằng giá trị.

[2] Căn cứ vào ý kiến của bị đơn bà Trần Kim T2 trình bày:

- Xác nhận hàng thừa kế của cụ ông Trần Văn Ty, cụ Trần Thị Bân gồm có 03 người cụ thể: 02 người con ruột là Trần Kim T2, Trần Kim T1 và 01 người con nuôi Trần Ngọc T. Đối với diện thừa kế bà T2 xác định vào năm 1970 do cụ Ty và cụ Bân chưa có con nên xin ông Trần Ngọc T (ông T là con ruột của ông Nguyễn Văn Niệm và Trần Thị Lụy) là cháu ruột về nuôi từ khi ông T 05 tuổi và cha mẹ bà T2 cưới vợ cho ông T và gia đình ông T đã chăm sóc cụ Ty, cụ Bân như cha mẹ ruột từ khi còn sống đến khi qua đời, bà T2 xác định ông T là con nuôi hợp pháp của cụ Ty và cụ Bân.

- Về di sản thừa kế của cụ Ty và cụ Bân để lại gồm:

+ Diện tích đất thổ cư, vườn tạp là 695,40m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02797QSDĐ/cD cấp ngày 03/6/2003 do ông Trần Văn Ty đứng tên, trên đất có căn nhà của ông Trần Ngọc T, do căn nhà phủ thờ của cha mẹ xuống cấp nên vào năm 2006 vợ chồng ông T xây dựng căn nhà lại toàn bộ, còn căn phủ thờ của cha mẹ đôn lên tầng trên của căn nhà ông T, bà T2 xác định nhà phía dưới là của vợ chồng ông T xây dựng, phía sau hậu nhà ông T có căn nhà của Trần Ngọc C (con ruột ông T) cất ở từ năm 2012, khi cất đã được cha cụ Ty cho phép con cháu cất ở, phần này bà T2 không tranh chấp vẫn đồng ý giữ y hiện trạng.

+ Diện tích 1.470m² đất nông nghiệp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19406264 do UBND thị xã Tân Châu cấp ngày 22/12/2011 cho ông Trần Văn Ty đứng tên. Đối với phần đất này ông T cho ông H thuê đất để trồng cỏ và thuê hàng năm, tiền thuê đất thì làm chi phí cho các lễ giỗ ông bà cha mẹ.

Đối với yêu cầu của bà T1 yêu cầu chia di sản của cụ Ty và cụ Bân làm 02 kỷ phần; bà T2 không đồng ý, mà yêu cầu chia làm 03 kỷ phần gồm: T1, T2, T, và đồng ý chia đất nông nghiệp cho bà T1, còn đối với đất thổ cư, vườn tạp và căn nhà phủ thờ bà T2 không đồng ý chia mà để cho ông T quản lý, sử dụng. Đối với kỷ phần hưởng của bà T2 thì bà T2 đồng ý giao lại cho ông T toàn bộ.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc T có yêu cầu độc lập trình bày:

Ông T xác định ông là con nuôi của cụ Ty và cụ Bân, ông T đã sống chung với cụ Ty, cụ Bân từ khi ông 05 tuổi cho đến nay, còn về thủ tục xin con nuôi do không hiểu biết về thủ tục nên ông T không làm thủ tục nhận con nuôi, nhưng trên thực tế ông đã chăm sóc, phụng dưỡng cụ Ty và cụ Bân như cha mẹ ruột và hai cụ cũng xem ông như con ruột không phân biệt đối xử, cụ thể như hai cụ đã cưới vợ cho ông T, và vào năm 2014 cụ Ty cũng đã chia đất nông nghiệp cho ông, và ông cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích được chia.

Diện tích đất thổ cư, vườn tạp còn lại 695,40m² chưa chia là để cho con cháu cất nhà ở và làm khu mồ mã, đối với diện tích đất nông nghiệp 1.470m² cho ông H thuê canh tác để lấy tiền làm chi phí các lễ giỗ ông bà, cha mẹ. Nay theo yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Kim T1 thì ông T đồng ý chia đất nông nghiệp 1.470m² làm 03 kỷ phần cho T, T1, T2, còn diện tích đất thổ cư trên đất có căn nhà của ông T, anh C và khu mồ mã thì ông T không đồng ý chia. Đối với căn nhà phủ thờ thì đã đôn lên tầng trên của căn nhà mà ông T xây dựng. Ông T xác định căn nhà phía dưới là của vợ chồng ông tự xây dựng có diện tích ngang 6,5m dài 10m, có kết cấu nền lót gạch men, vách xây gạch, mái tol, khung gỗ, ông T không đồng ý chia căn nhà của ông T xây dựng mà ông T đồng ý chia căn phủ thờ của cụ Ty và cụ Bân trị giá theo hội đồng đã định giá ra làm 03 kỷ phần bằng nhau, ông đồng ý hoàn giá trị cho bà T1 đối với căn phủ thờ, còn đất thổ cư, vườn tạp ông không đồng ý chia và yêu cầu giữ y hiện trạng, toàn bộ di sản của cụ Ty và cụ Bân ông T đang quản lý sử dụng.

[4] Xét, về diện thừa kế: Tài liệu các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, qua xác minh thu thập chứng cứ xác định:

Hàng thừa kế của cụ Ty và cụ Bân gồm có: Trần Kim T2, Trần Kim T1, ông Trần Ngọc T là con nuôi, theo các tài liệu ông T cung cấp giấy khai sinh của ông T số 07; quyền số 01/2017 do UBND phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 07/01/2016, sau đó UBND thị xã Tân Châu đã ra Quyết định thu hồi giấy khai sinh của ông T do cấp không đúng quy định về Luật hộ tịch. Xét thấy, lời trình bày của bà T2, ông T, ông H, bà Mai, ông Huy là những người trong thân tộc đều xác định ông T là con nuôi của cụ Ty và cụ Bân, và ông T cũng làm tròn trách nhiệm của một người con, phụng dưỡng cụ Ty và cụ Bân từ khi còn sống cho đến khi qua đời, và cụ Ty cũng coi ông T như con ruột, cụ thể như khi cụ Ty còn sống vào năm 2014 thì cụ Ty đã phân chia phần đất nông nghiệp gồm 6.800m² như sau: Phần ông T là 1.800m², phần của bà T2 là 2.000m², phần của bà T1 là 2.000m², của cụ Ty 1.000m². Do đó, có căn cứ xác định ông Trần Ngọc T là con nuôi thực tế của cụ Ty và cụ Bân nên được hưởng di sản thừa kế của cụ Ty và cụ Bân theo quy định pháp luật về thừa kế.

[5] Xét, về di sản thừa kế gồm:

[5.1] Diện tích đất thổ cư, vườn tạp là 695,4m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02797QSDĐ/cĐ của UBND huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu) cấp ngày 03/6/2003 cho ông Trần Văn Ty đứng tên tọa lạc khóm Long Quới A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Căn nhà phủ thờ đôn lên tầng trên của nhà ông T có diện tích ngang 5,35m dài 11,9m, và cây trồng trên đất do cụ Ty và cụ Bân để lại và diện tích đất nông nghiệp 1.470m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19406264 cấp ngày 22/12/2011 do UBND thị xã Tân Châu cấp cho cụ Trần Văn Ty, cụ Trần Thị Bân đứng tên. Do đó, xác định tài sản trên là di sản của cụ Ty và cụ Bân để lại nên thừa kế của cụ Ty và cụ Bân được hưởng theo quy định pháp luật.

Đối với diện tích đất thổ cư, vườn tạp là 695,4m², trên đất có căn nhà là nhà của ông T đã xây dựng và ở ổn định có diện tích ngang 6,5m dài 10m kết cấu căn

nhà nền lát gạch men, vách xây gạch, mái tol, khung gỗ, đây là căn nhà do ông T xây dựng vào năm 2006, theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ chứng minh nên xét yêu cầu độc lập của ông T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5.2] Di sản của cụ Ty và cụ Bân gồm: Diện tích đất thổ cư, vườn tạp là 695,4m² và diện tích đất nông nghiệp 1.470m². Xét thấy, diện tích trên chia làm 03 kỹ phần bằng hiện vật thì kỹ phần được hưởng sẽ không đủ điều kiện về diện tích để tách thửa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, và căn nhà phủ thờ cất đôn lên tầng trên của nhà ông T cũng không chia bằng hiện vật, vì tháo dỡ sẽ hư toàn bộ cấu trúc ngôi nhà, hiện nay toàn bộ di sản trên đều do ông T quản lý, sử dụng gìn giữ nên giao lại toàn bộ di sản trên cho ông T và ông T có trách nhiệm hoàn lại giá trị cho các kỹ phần thừa kế của cụ Ty và cụ Bân theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà T2 tự nguyện giao lại phần hưởng của bà cho ông T. Như vậy, ông T có trách nhiệm thanh toán giá trị cho kỹ phần thừa kế của bà Trần Kim T1 như sau:

- Phần đất thổ cư, vườn tạp diện tích 695,40m²:

+ Đất trồng cây lâu năm trị giá: 95,4m² x 120.000 đồng x 1,1 (hệ số k) = 12.593.000 đồng.

+ Đất vị trí 1: Diện tích 213m² x 600.000 đồng x 1,15 (hệ số k) = 146.970.000 đồng.

+ Đất vị trí 2: Diện tích 203m² x 360.000 đồng x 1,15 (hệ số k) = 84.042.000 đồng.

+ Đất vị trí 3: Diện tích 184m² x 240.000 đồng x 1,15 (hệ số k) = 50.784.000 đồng.

+ Căn nhà phủ thờ đôn lên tầng trên của nhà ông T có diện tích ngang 5,35m dài 11,9m kết cấu nhà sàn, nóng đá, vách tol, mái tol, khung gỗ.

Tổng diện tích là 63,66m² x 1.849.000 đồng x 50% = 58.858.000 đồng.

- Phần đất nông nghiệp diện tích: 1.470m² x 90.000 đồng x 1,1 (hệ số k) = 145.530.000 đồng.

- Vật kiến trúc và cây trồng trên đất:

+ Chuồng bò do bà T1 xây dựng bằng xi măng nên không thể tháo dỡ di dời nên buộc ông T có trách nhiệm hoàn giá trị lại cho bà T1 là phù hợp. Chuồng bò (tạm B) diện tích 14,5m² x 1.008.000 đồng x 70% = 10.231.000 đồng.

+ 06 cây me Tây x 500.000 đồng = 3.000.000 đồng;

+ 05 cây Dừa x 975.000 đồng = 4.875.000 đồng;

+ 08 cây me nước x 100.000 = 800.000 đồng;

+ 04 cây Bạch Đàn lớn x 500.000 đồng = 2.000.000 đồng;

+ 13 cây Bạch Đàn nhỏ x 20.000 đồng = 260.000 đồng;

Tổng cộng tài sản trên gồm: $12.593.000 + 146.970.000 + 84.042.000 + 50.784.000 + 58.858.000 + 145.530.000 + 3.000.000 + 4.875.000 + 800.000 + 2.000.000 + 260.000 = 509.712.000$ đồng/3 kỳ phần = 169.904.000 đồng.

Như vậy, ông Trần Ngọc T có trách nhiệm hoàn giá trị kỳ phần thừa kế là 169.904.000 đồng và phần chuồng bò do bà T1 xây dựng là 10.231.000 đồng. Tổng cộng ông T có trách nhiệm hoàn giá trị cho bà T1 là 169.904.000 đồng + 10.231.000 đồng = 180.135.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của bà T1 về tiền thuê đất là 12.000.000 đồng, khi khởi kiện vụ án bà không yêu cầu giải quyết, trong quá trình thụ lý giải quyết bà phát sinh yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng bà không làm đơn khởi kiện bổ sung, và sau đó bà rút lại yêu cầu về tiền thuê đất là 12.000.000 đồng. Yêu cầu của bà Trần Kim T1 vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nhưng sau đó bà rút lại yêu cầu, nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Đối với căn nhà của anh Trần Ngọc C cất trên đất tranh chấp, bà T2, ông T không tranh chấp với anh C, giao toàn bộ diện tích đất là di sản của cụ Ty và cụ Bân cho ông T quản lý, sử dụng toàn bộ; khi ông T, bà T2, anh C có tranh chấp thì giải quyết bằng 01 vụ kiện khác.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 992.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.400.000 đồng, tổng cộng 2.392.000 đồng/3 = 797.000 đồng, bà Trần Kim T1 đã tạm ứng, các thừa kế được hưởng thì có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T1, do bà T2 giao kỳ phần hưởng của bà cho ông T nên ông T phải chịu là 1.594.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng.

Phần của bà Trần Kim T1 được hưởng là $180.135.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.006.000$ đồng, do yêu cầu của ông T xác định căn nhà phía dưới căn phủ thờ là nhà của vợ chồng ông T xây dựng, yêu cầu của ông T được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $120.172.000 \times 5\% = 6.008.000$ đồng, tổng cộng án phí bà T1 phải chịu là 15.014.000 đồng.

Phần hưởng thừa kế của bà T2 đã giao toàn bộ cho ông T nên bà T2 không phải chịu án phí, do đó ông T phải chịu án phí là $339.808.000 \text{ đồng} \times 5\% = 16.990.000$ đồng.

Xét, yêu cầu độc lập của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí 200.000 đồng cho yêu cầu này, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu $16.990.000 \text{ đồng} - 200.000 \text{ đồng} = 16.790.000$ đồng. Tổng cộng án phí ông Trần Ngọc T phải chịu là 16.790.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, các điều 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 609, 612, 649, 651, 653 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy Ban Thường Quốc hội ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T1 về chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Văn Ty và cụ Trần Thị Bân.

2. Xác định hàng thừa kế chia theo pháp luật của cụ Trần Văn Ty và cụ Trần Thị Bân gồm: Bà Trần Kim T1, bà Trần Kim T2 và ông Trần Ngọc T.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Văn Ty, cụ Trần Thị Bân gồm có:

- Diện tích đất thổ cư, vườn tạp 695,40m², trên đất có căn nhà phủ thờ ngang 5,35m dài 11,9m, tổng diện tích 63,66m², cây trồng trên đất, có giá trị là 364.182.000 đồng.

- Diện tích đất nông nghiệp 1.470m² có giá trị là 145.530.000 đồng

Buộc ông Trần Ngọc T có trách nhiệm hoàn giá trị cho bà Trần Kim T1 kỹ phần được hưởng thừa kế là 169.904.000 đồng.

Buộc ông Trần Ngọc T có trách nhiệm hoàn giá trị chuồng bò cho bà Trần Kim T1 số tiền là 10.231.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Ngọc T về căn nhà có diện tích ngang 6,5m dài 10m, tổng diện tích 65m² có kết cấu căn nhà khung gỗ, vách gạch, nền lát gạch men, mái tol là của ông Trần Ngọc T.

Giao cho ông Trần Ngọc T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ căn nhà phủ thờ và diện tích đất thổ cư, vườn tạp 695,40m² và diện tích đất nông nghiệp 1.470m² tọa lạc tổ 12, khóm Long Quới A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản được chia thừa kế theo đúng quy định pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 992.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.400.000 đồng, tổng cộng 2.392.000 đồng, bà Trần Kim T1 đã tạm ứng. Ông Trần Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Kim T1 số tiền là 1.594.000 đồng.

4. Về án phí:

Bà Trần Kim T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.014.000 đồng, nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0008042 ngày 18/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Như vậy, bà Trần Kim T1 còn phải nộp 13.514.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.990.000 đồng, nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu số 0001371 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Như vậy, ông Trần Ngọc T còn phải nộp 16.790.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Diệu